

TỈ LỆ CHỌI LỚP MƯỜI THƯỜNG

STT	Tên trường	Chỉ tiêu	Số lượng NV1	Tỉ lệ chọi
1	Trường THPT Bùi Thị Xuân	630	1787	2.84
2	Trường THPT Trưng Vương	900	1191	1.32
3	Trường THPT Ten Lơ Man	585	781	1.34
4	Trường THPT Lương Thế Vinh	225	505	2.24
5	Trường THPT năng khiếu Thể dục Thể thao	280	104	0.37
6	Trường THCS và THPT Trần Đại Nghĩa	360	1004	2.79
7	Trường THPT Giồng Ông Tố	675	919	1.36
8	Trường THPT Thủ Thiêm	810	394	0.49
9	Trường THPT Lê Quý Đôn	560	1293	2.31
10	Trường THPT Marie Curie	1000	1515	1.52
11	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	815	1604	1.97
12	Trường THPT Nguyễn Thị Diệu	765	288	0.38
13	Trung tâm GDKTTH và HN Lê Thị Hồng Gấm	495	150	0.3
14	Trường THPT Nguyễn Trãi	675	419	0.62
15	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	765	857	1.12
16	Trường THPT Hùng Vương	1,035	1720	1.66
17	Trường THPT Trần Khai Nguyên	720	1455	2.02
18	Trường THPT Trần Hữu Trang	540	159	0.29
19	Trường THPT Phạm Phú Thứ	675	765	1.13
20	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	990	2322	2.35

21	Trường THPT Bình Phú	720	1473	2.05
22	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	855	1074	1.26
23	Trường THPT Lê Thánh Tôn	585	1121	1.92
24	Trường THPT Ngô Quyền	765	1426	1.86
25	Trường THPT Nam Sài Gòn	225	437	1.94
26	Trường THPT Tân Phong	765	488	0.64
27	Trường THPT Lương Văn Can	675	837	1.24
28	Trường THPT Ngô Gia Tự	765	200	0.26
29	Trường THPT Tạ Quang Bửu	720	1048	1.46
30	Trường PT năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định	535	355	0.66
31	Trường THPT Nguyễn Văn Linh	675	121	0.18
32	Trường THPT Võ Văn Kiệt	720	764	1.06
33	Trường THPT Nguyễn Huệ	675	1045	1.55
34	Trường THPT Phước Long	675	888	1.32
35	Trường THPT Long Trường	720	266	0.37
36	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	1125	286	0.25
37	Trường THPT Dương Văn Thi	765	874	1.14
38	Trường THPT Nguyễn Du	595	823	1.38
39	Trường THPT Nguyễn An Ninh	900	625	0.69
40	Trường THPT Nguyễn Khuyến	855	1013	1.18
41	Trường THCS - THPT Diên Hồng	450	228	0.51
42	Trường THCS - THPT Sương Nguyệt Anh	450	149	0.33

43	Trường THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	765	849	1.11
44	Trường THPT Nguyễn Hiền	595	739	1.24
45	Trường THPT Trần Quang Khải	990	1027	1.04
46	Trường THPT Võ Trường Toản	765	1471	1.92
47	Trường THPT Thạnh Lộc	810	1708	2.11
48	Trường THPT Trường Chinh	900	1653	1.84
49	Trường THPT Bình Chánh	900	1085	1.21
50	Trường THPT Đa Phước	720	391	0.54
51	Trường THPT Lê Minh Xuân	900	939	1.04
52	Trường THPT Tân Túc	855	711	0.83
53	Trường THPT Vĩnh Lộc B	900	1316	1.46
54	Trường PT năng khiếu TDTT Bình Chánh	600	307	0.51
55	Trường THPT Phong Phú	855	298	0.35
56	Trường THPT An Lạc	855	937	1.1
57	Trường THPT Vĩnh Lộc	720	1558	2.16
58	Trường THPT Bình Tân	855	733	0.86
59	Trường THPT Bình Hưng Hòa	855	1464	1.71
60	Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh	630	1252	1.99
61	Trường THPT Hoàng Thế Thiện	810	943	1.16
62	Trường THPT Phan Đăng Lưu	810	627	0.77
63	Trường THPT Trần Văn Giàu	900	856	0.95
64	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	855	1351	1.58
65	Trường THPT Thanh Đa	720	592	0.82

66	Trường THPT Gia Định	855	1775	2.08
67	Trường THPT Võ Thị Sáu	855	1195	1.4
68	Trường THPT Bình Khánh	405	308	0.76
69	Trường THPT Cần Thạnh	320	289	0.9
70	Trường THPT An Nghĩa	360	359	1
71	Trường THPT Trung Lập	585	316	0.54
72	Trường THPT Phú Hòa	720	849	1.18
73	Trường THPT Tân Thông Hội	720	1144	1.59
74	Trường THPT Quang Trung	810	678	0.84
75	Trường THPT Trung Phú	765	1288	1.68
76	Trường THPT Củ Chi	810	1187	1.47
77	Trường THPT An Nhơn Tây	810	594	0.73
78	Trường THPT Gò Vấp	675	794	1.18
79	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	900	1390	1.54
80	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	855	1567	1.83
81	Trường THPT Trần Hưng Đạo	990	1707	1.72
82	Trường THPT Lý Thường Kiệt	765	1063	1.39
83	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiến	675	1328	1.97
84	Trường THPT Phạm Văn Sáng	810	1757	2.17
85	Trường THPT Hồ Thị Bi	855	1286	1.5
86	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	765	1463	1.91
87	Trường THPT Bà Điểm	810	1345	1.66
88	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	675	858	1.27

89	Trường THPT Long Thới	450	566	1.26
90	Trường THPT Phước Kiển	855	421	0.49
91	Trường THPT Dương Văn Dương	765	392	0.51
92	Trường THPT Phú Nhuận	855	1901	2.22
93	Trường THPT Hàn Thuyên	765	579	0.76
94	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	720	875	1.22
95	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	675	1692	2.06
96	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	810	833	1.03
97	Trường THPT Trần Phú	945	2004	2.12
98	Trường THPT Lê Trọng Tấn	675	1655	2.45
99	Trường THPT Tân Bình	855	1014	1.19
100	Trường THPT Tây Thạnh	1035	2146	2.07
101	Trường THPT Tam Phú	765	1126	1.47
102	Trường THPT Hiệp Bình	675	997	1.48
103	Trường THPT Đào Sơn Tây	855	1049	1.23
104	Trường THPT Linh Trung	990	899	0.91
105	Trường THPT Bình Chiểu	900	1059	1.18
106	Trường THPT Thủ Đức	900	2312	2.57
107	Trường THPT Nguyễn Hữu Huân	765	1797	2.35
108	Trường THPT An Mỹ	810	1490	1.84
109	Trường THPT Bình Phú - Bình Dương	810	1105	1.36

110	Trường THPT Lý Thái Tổ	810	1255	1.55
111	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	585	997	1.7
112	Trường THPT Nguyễn Trãi - Bình Dương	630	1228	1.95
113	Trường THPT Trần Văn Ôn	540	1215	2.25
114	Trường THPT Trịnh Hoài Đức	765	1774	2.32
115	Trường THPT Võ Minh Đức	810	1456	1.8
116	Trường THCS-THPT Nguyễn Huệ	450	246	0.55
117	Trường THCS-THPT Tây Sơn	450	265	0.59
118	Trường THPT Huỳnh Văn Nghệ	675	1145	1.7
119	Trường THPT Lê Lợi	315	415	1.32
120	Trường THPT Phước Hòa	270	249	0.92
121	Trường THPT Phước Vĩnh	630	748	1.19
122	Trường THPT Tân Bình - Bình Dương	450	550	1.22
123	Trường THPT Tân Phước Khánh	495	972	1.96
124	Trường THPT Thái Hòa	765	1212	1.58
125	Trường THPT Thường Tân	240	224	0.93
126	Trường THCS-THPT Minh Hòa	360	395	1.1
127	Trường THPT Bàu Bàng	585	1143	1.95
128	Trường THPT Bến Cát	810	1720	2.12
129	Trường THPT Dầu Tiếng	450	571	1.27
130	Trường THPT Long Hòa	270	321	1.19
131	Trường THPT Tây Nam	675	882	1.31

132	Trường THPT Thanh Tuyên	225	314	1.4
133	Trường THPT Bình An	470	719	1.53
134	Trường THPT Dĩ An	540	1266	2.34
135	Trường THPT Nguyễn An Ninh - Bình Dương	540	1008	1.87
136	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai - Bình Dương	855	1543	1.8
137	Trường THPT Bà Rịa	540	754	1.4
138	Trường THPT Châu Thành	540	774	1.43
139	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	525	1325	2.52
140	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	720	995	1.38
141	Trường THPT Hắc Dịch	630	671	1.07
142	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	585	469	0.8
143	Trường THPT Nguyễn Huệ - Bà Rịa - Vũng Tàu	900	1211	1.35
144	Trường THPT Nguyễn Khuyến - Bà Rịa - Vũng Tàu	765	681	0.89
145	Trường THPT Phú Mỹ	900	1665	1.85
146	Trường THPT Trần Hưng Đạo Bà Rịa-Vũng Tàu	585	768	1.31
147	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	720	1015	1.41
148	Trường THPT Vũng Tàu	855	1539	1.8
149	Trường THPT Bung Riềng	450	398	0.88
150	Trường THPT Dương Bạch Mai	450	446	0.99
151	Trường THPT Hòa Bình	450	478	1.06
152	Trường THPT Hòa Hội	405	522	1.29

153	Trường THPT Long Hải - Phước Tỉnh	495	585	1.18
154	Trường THPT Minh Đạm	495	482	0.97
155	Trường THPT Ngô Quyền - Bà Rịa - Vũng Tàu	405	500	1.23
156	Trường THPT Nguyễn Du- Bà Rịa - Vũng Tàu	405	563	1.39
157	Trường THPT Nguyễn Trãi Bà Rịa - Vũng Tàu	405	427	1.05
158	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ - Bà Rịa - Vũng Tàu	405	337	0.83
159	Trường THPT Phước Bửu	450	428	0.95
160	Trường THPT Trần Phú - Bà Rịa - Vũng Tàu	450	481	1.07
161	Trường THPT Trần Quang Khải- Bà Rịa - Vũng Tàu	540	502	0.93
162	Trường THPT Trần Văn Quan	450	549	1.22
163	Trường THPT Võ Thị Sáu - Bà Rịa- Vũng Tàu	495	613	1.24
164	Trường THPT Xuyên Mộc	450	539	1.2

TỈ LỆ CHỌI LỚP MƯỜI CHUYÊN

STT	Tên trường	Chỉ tiêu	Số lượng NV1	Tỉ lệ chọi
165	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	525	2521	4.8
166	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	805	5738	7.13
167	Trường THPT chuyên Hùng Vương	455	1526	3.35
168	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	525	1325	2.52

